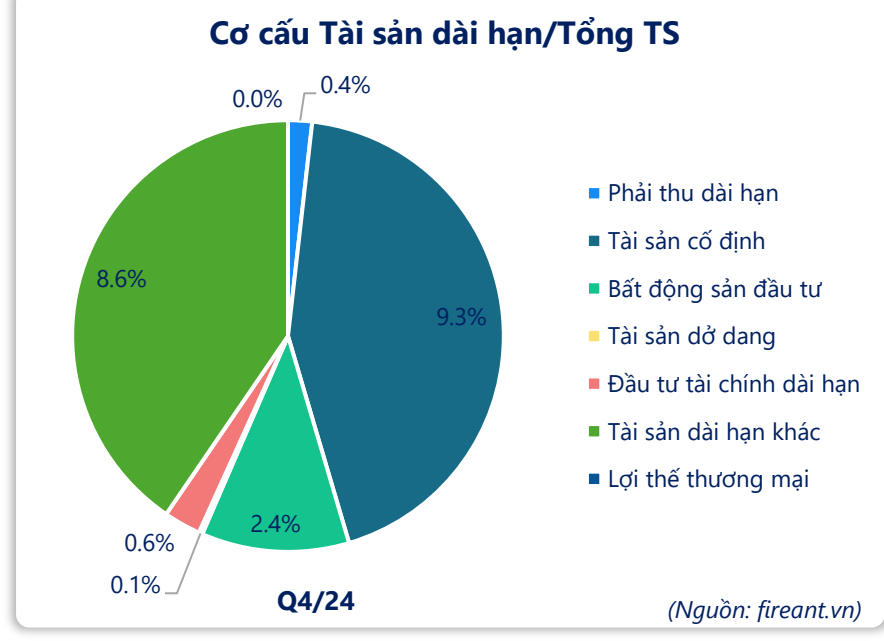
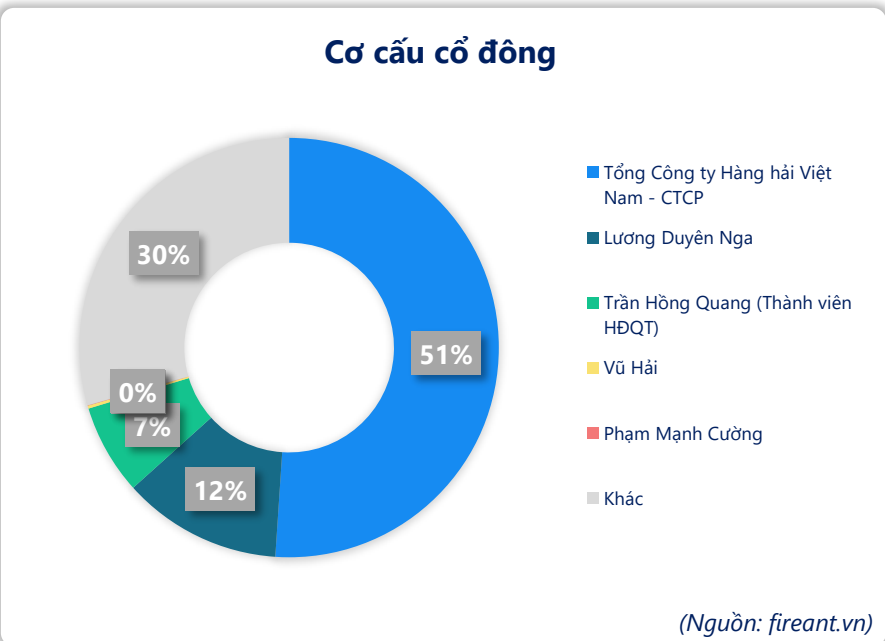
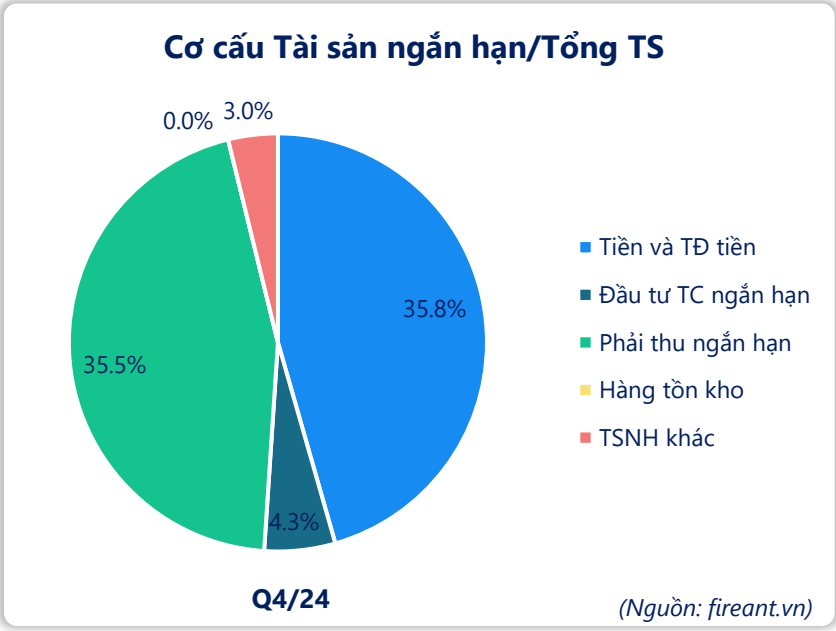
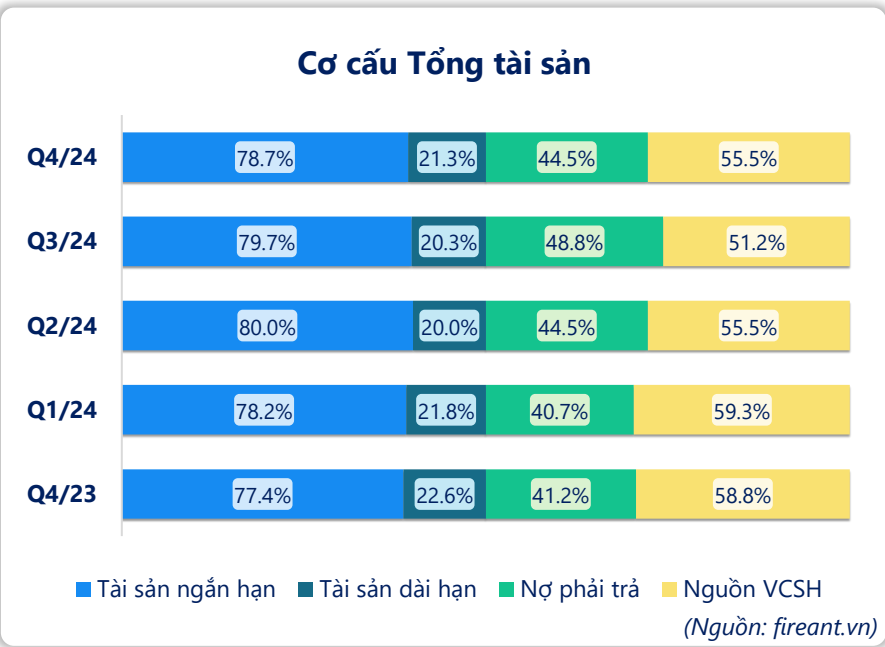
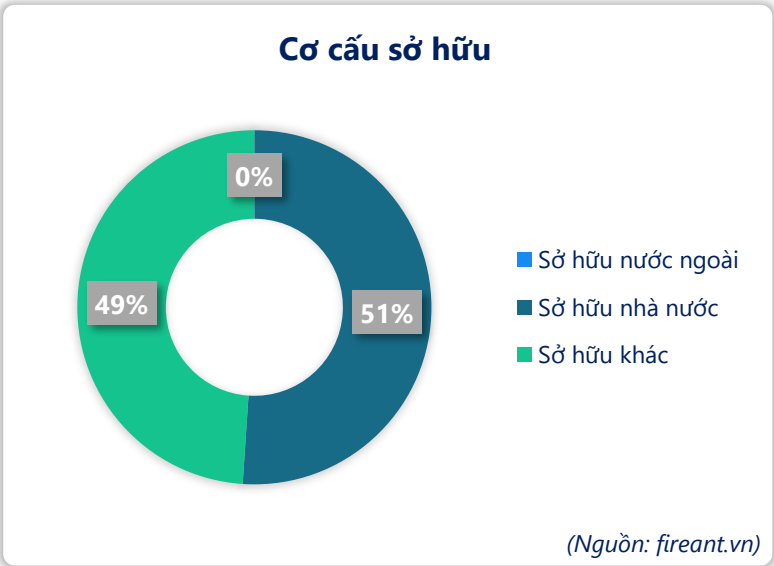
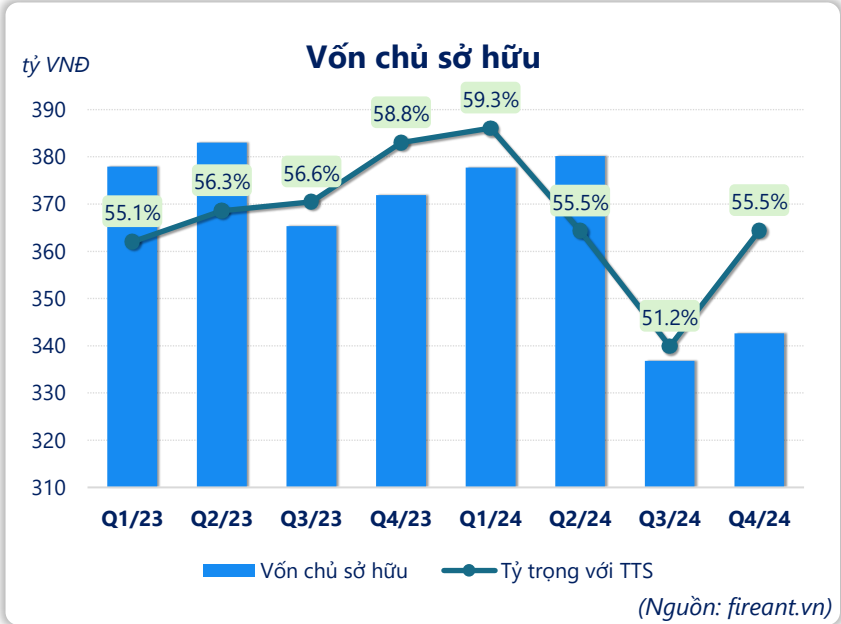
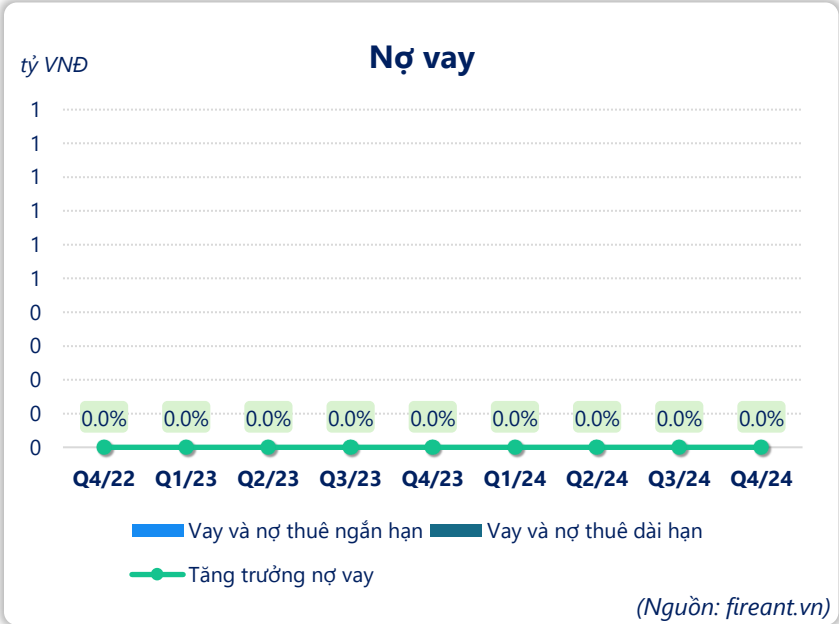
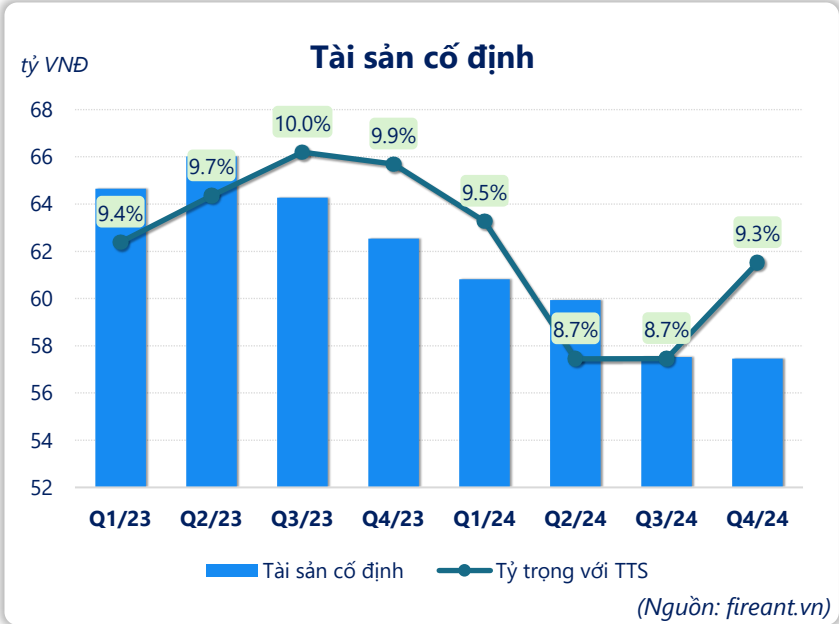
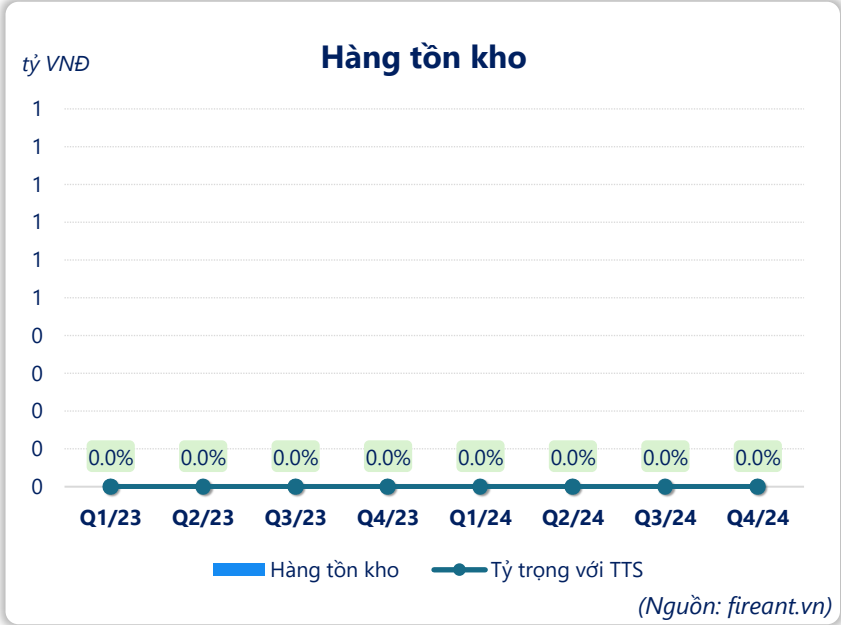
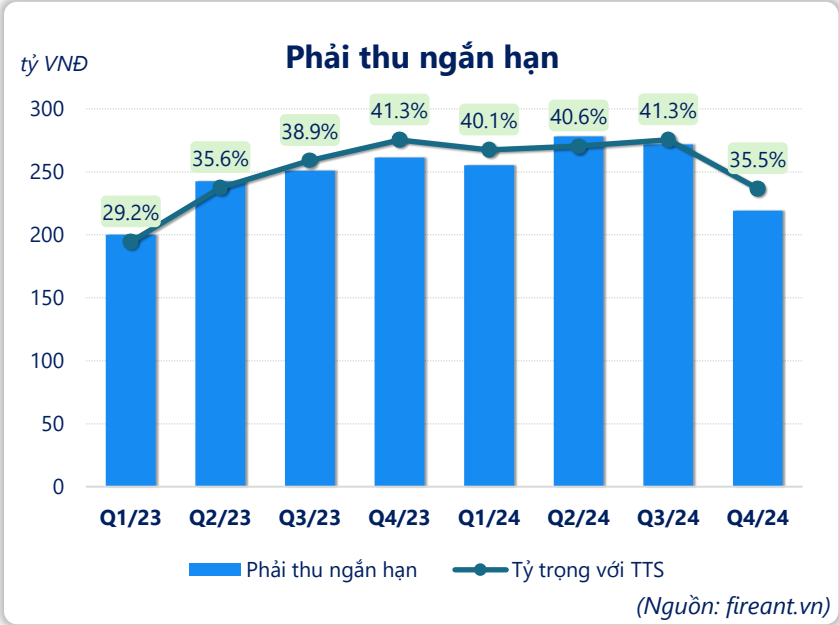
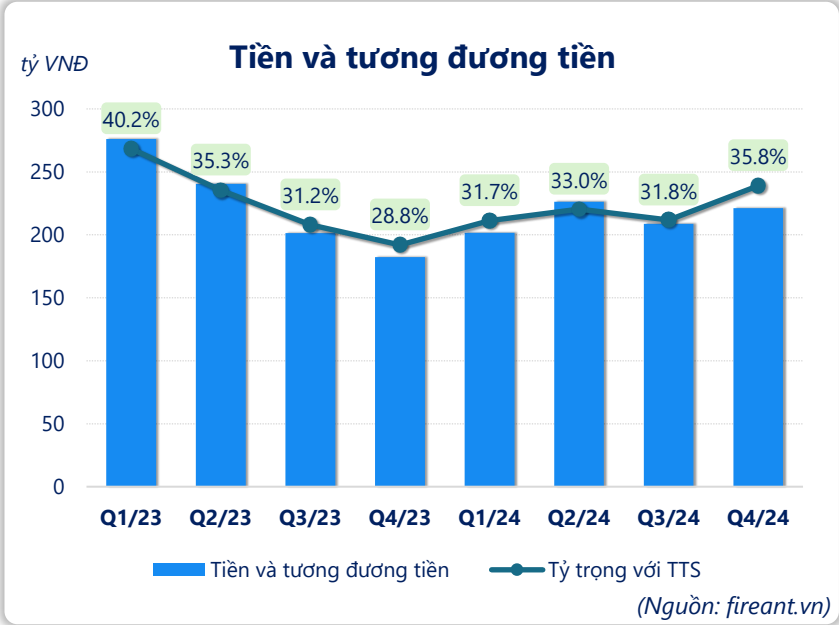
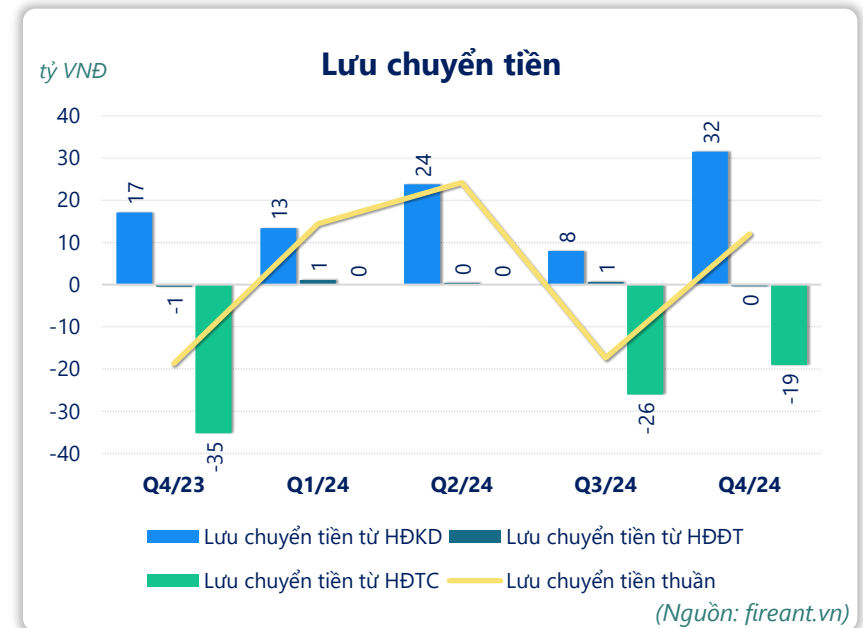
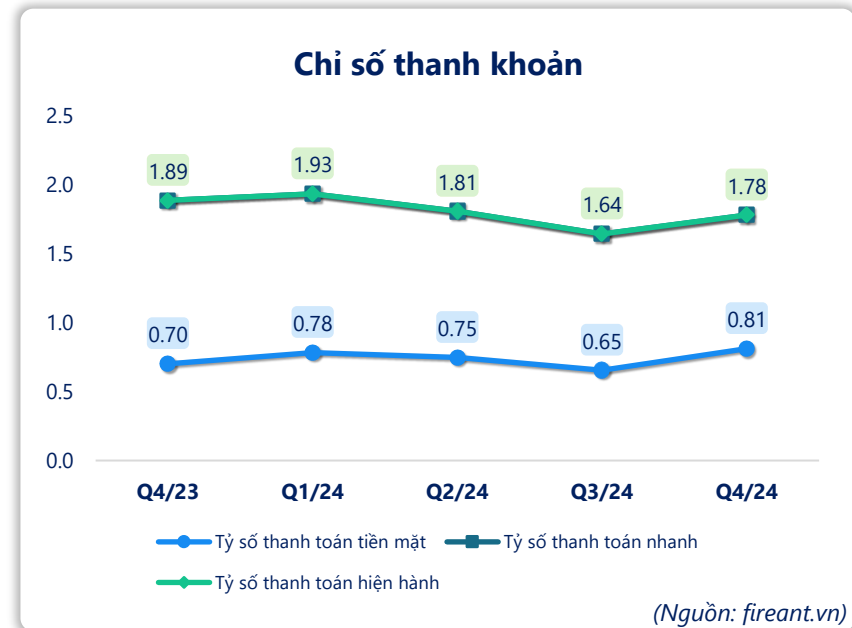
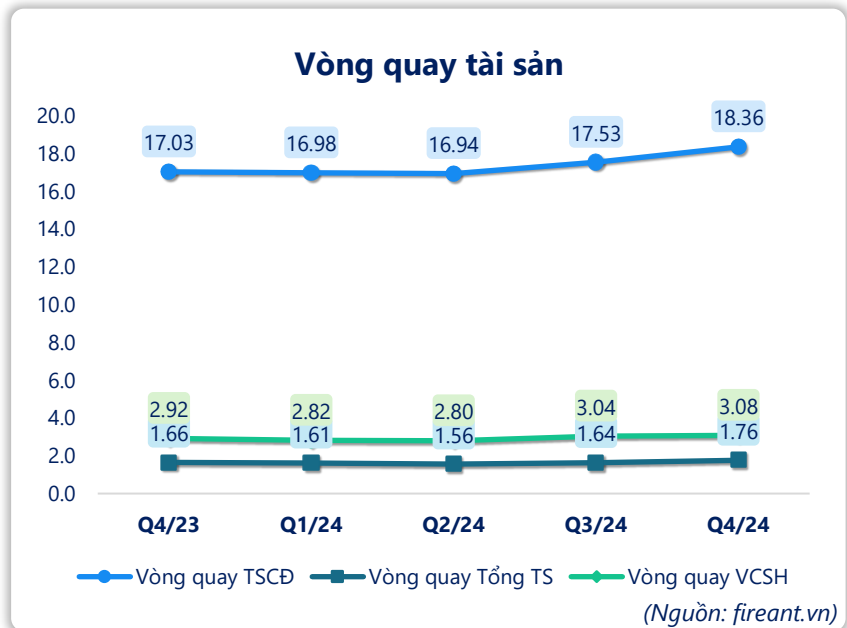
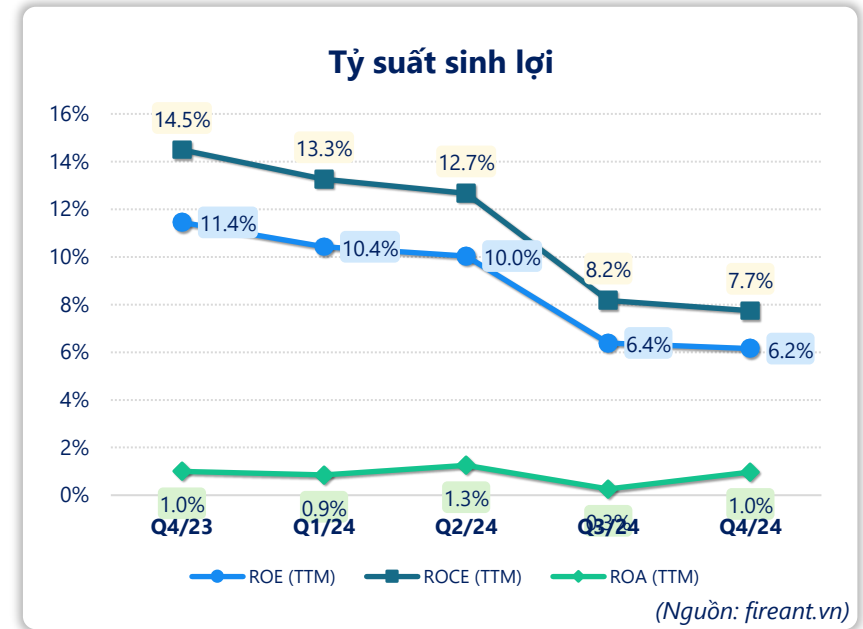
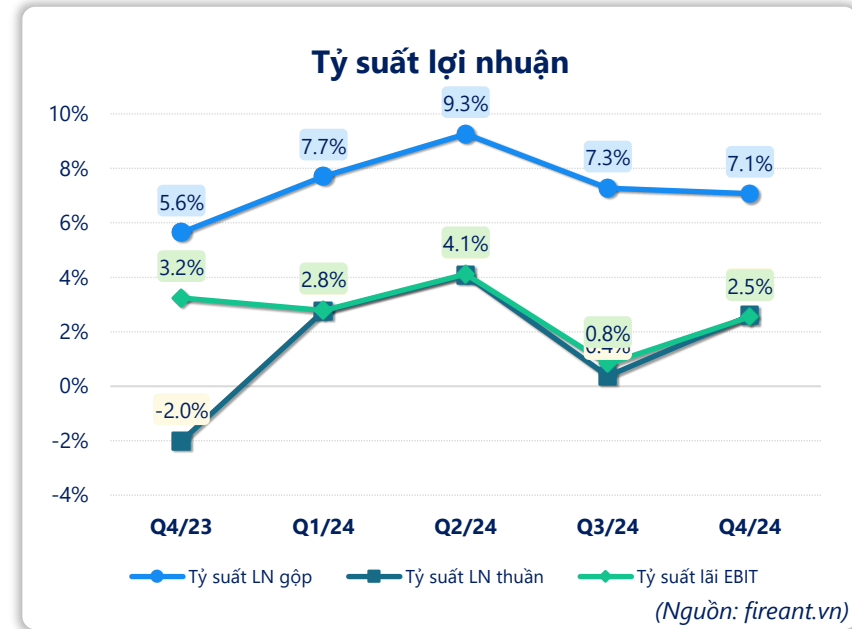
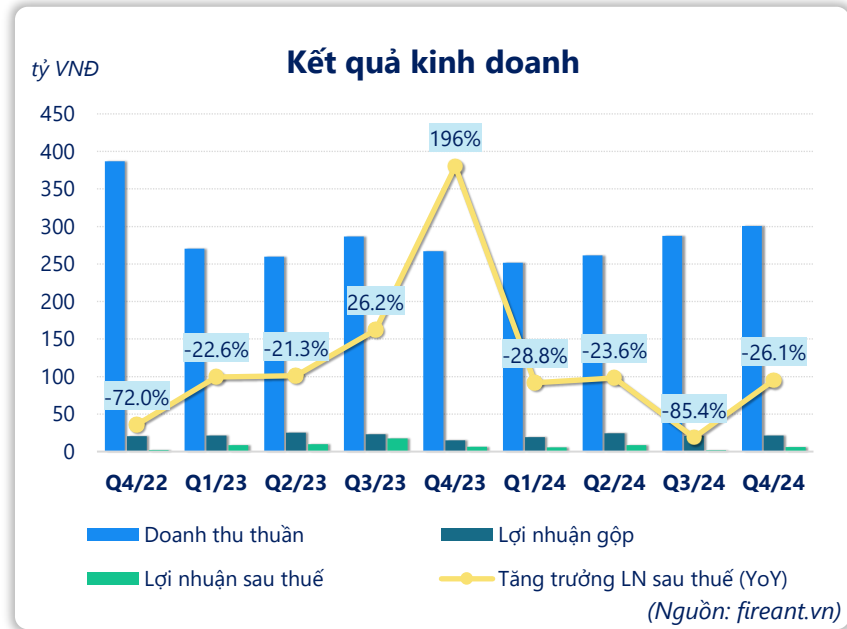


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		23,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		33,198
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		20,063
SL cổ phiếu LH		14,096,486
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,920
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		324
P/E		14.8
EPS		1,559

	YTD	1T	3T	6T
VSA		1.8%	-5.3%	-17.9%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	617	633	-2.5%
Tài sản ngắn hạn	486	490	-0.9%
Tiền và tương đương tiền	221	187	18.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.6	24.2	9.9%
Phải thu ngắn hạn	219	262	-16.3%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	18.6	16.8	10.8%
Tài sản dài hạn	132	143	-7.9%
Phải thu dài hạn	2.37	1.87	26.5%
Tài sản cố định	57.5	62.5	-8.1%
Bất động sản đầu tư	14.6	17.7	-17.7%
Tài sản dở dang	0.36	0.20	75.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.65	4.52	-19.3%
Tài sản dài hạn khác	53.3	56.1	-5.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	275	261	5.3%
Nợ ngắn hạn	273	259	5.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	106	93.4	13.4%
Nợ dài hạn	1.82	1.52	19.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	343	372	-7.9%
Vốn chủ sở hữu	343	372	-7.9%
Vốn điều lệ	141	141	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	267	252	262	288	301
Giá vốn hàng bán	252	232	237	267	279
Lợi nhuận gộp	15.1	19.4	24.2	20.9	21.2
Doanh thu HĐTC	8.23	3.08	5.27	3.49	7.53
Chi phí TC	1.88	0.31	0.72	1.79	2.52
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	26.8	15.2	18.1	21.5	18.4
LN thuần từ HĐKD	-5.37	6.94	10.7	1.09	7.82
Lợi nhuận khác	14.0	0.08	0.08	1.26	-0.17
LN trước thuế	8.66	7.02	10.8	2.36	7.65
Lợi nhuận sau thuế	6.52	5.64	8.56	1.71	6.07
LNST của CĐ cty mẹ	6.52	5.64	8.56	1.71	6.07

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	17.1	13.3	23.7	8.03	31.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.53	1.09	0.44	0.67	-0.42
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-35.2	0	0	-26.0	-19.1
Tiền đầu kỳ	201	187	202	226	209
Lưu chuyển tiền thuần	-18.7	14.4	24.2	-17.3	12.0
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.47	0.12	0.45	-0.29	0.52
Tiền cuối kỳ	182	202	226	209	221

(Nguồn: fireant.vn)